

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2021/DS - PT  
Ngày 30 - 12 - 2021  
V/v: “Tranh chấp đòi lại công sức  
đóng góp, xây dựng nhà”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thanh Hương

*Các Thẩm phán:* Bà Phạm Ngọc Hà, ông Nguyễn Đức Nam.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Quan Thị Thu Trang - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh  
Tuyên Quang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang:*** Bà Nguyễn Hữu  
Tĩnh - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 29,30 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh  
Tuyên Quang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 44/2021/TLPT-  
DS, ngày 08 tháng 11 năm 2021 về việc: “*Tranh chấp đòi lại công sức đóng góp,  
xây dựng nhà*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 75/2021/DS - ST, ngày 30 tháng 9 năm 2021  
của Toà án nhân dân huyện H bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 43/2021/QĐ-PT, ngày  
06 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

***1. Nguyên đơn:*** Ông Đồng Văn H, sinh năm 1962; Nơi ĐKKHKT: Thôn 4, xã T,  
huyện H, tỉnh Tuyên Quang; Nơi ở: Thôn 31, xã T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang (*có  
mặt*).

***2. Bị đơn:*** Bà Phạm Thị A, sinh năm 1964; địa chỉ: Thôn 4, xã T, huyện H, tỉnh  
Tuyên Quang (*có mặt*).  
Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn bà Phạm Thị A: Ông Vũ Trung K  
và bà Nguyễn Thị H – Luật sư Chi nhánh số 1 Công ty Luật Q thuộc Đoàn Luật sư tỉnh  
Tuyên Quang.

Địa chỉ: Tổ 13, phường P, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang (*có mặt*).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Anh Nguyễn Hoàng B, sinh năm 1989; địa chỉ: Thôn 4, xã T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang (có mặt).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Theo nội dung đơn khởi kiện, các biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải, nguyên đơn ông Đồng Văn H trình bày:*

Năm 2014, ông và bà Phạm Thị A gặp nhau và quyết định về chung sống cùng nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống cùng với bà Phạm Thị A, ông có góp một số tiền, mua vật liệu xây dựng và công sức cùng với bà A xây dựng lên 01 ngôi nhà 02 tầng, hình thức là nhà nghỉ tại Thôn 4, xã T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang. Đến năm 2017, thì cùng nhau sửa sang và nâng cấp nhà lên thành nhà 04 tầng, có 19 phòng nghỉ để kinh doanh.

Ông xác định tài sản (gồm tiền mặt, tiền mua vật liệu và công sức như công thiết kế, lắp đặt điện nước..) do ông cùng đóng góp để xây nhà cho bà Akhoảng 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng), còn lại là phần của bà A. Tổng giá trị ngôi nhà chung và tài sản trong nhà ông và bà A cùng nhau xây dựng khoảng 1.500.000.000đ (Một tỷ năm trăm triệu đồng). Ngôi nhà hiện nay do bà A đang quản lý, sử dụng. Khi không chung sống cùng nhau nữa ông có đề nghị bà A chia cho ông số tiền 500.000.000đ ông nhưng bà A nói là chỉ trả cho ông 100.000.000đ, ông không nhất trí nên khởi kiện đề nghị Tòa án yêu cầu bà A trả cho ông số tiền là 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng).

Tại phiên tòa sơ thẩm ông H rút yêu cầu chia tài sản chung, ông đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo pháp luật về phần công sức đóng góp xây dựng nhà của ông.

*- Bị đơn bà Phạm Thị A trình bày:*

Bà và ông H có chung sống với nhau từ tháng 02 năm 2014 đến tháng 10/2018. Năm 2014, bà nhận chuyển nhượng một diện tích đất tại Thôn 4, xã T, huyện H để làm nhà (nhà nghỉ), ông H tự nguyện xin đến ở cùng và phụ giúp bà mắc điện nước. Sau khi bà làm nhà xong ông H không ở nữa và thường xuyên nói là đi chữa bệnh, do bà bận nên chỉ đến bệnh viện đưa tiền cho ông H rồi về. Từ đó ông H thường xuyên đi bệnh viện điều trị. Sau đó bà và ông H không chung sống với nhau nữa. Về tài sản, đất đai nhà nghỉ của bà không liên quan đến ông H, đất đai đứng tên một mình bà. Bà không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của ông H, vì xác định không có tài sản chung gì với ông H để chia.

*- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Hoàng B trình bày:*

Năm 2014, ông H gặp mẹ anh (bà Phạm Thị A) và có ý muốn về chung sống cùng bà A, khi đó anh đang đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, thấy có người đỡ dằn mẹ nên anh không có ý kiến gì. Thời gian đó, mẹ anh mua đất tại thôn 4 Thái Bình, xã Thái Sơn để xây nhà kinh doanh làm nhà nghỉ. Ông H có giúp đỡ mẹ anh xây nhà, công việc cụ thể là trông coi thợ và lắp điện nước, việc

này ông H hoàn toàn tự nguyện. Năm 2015, anh hết hạn hợp đồng lao động và về nước, mẹ con anh cùng kinh doanh nhà nghỉ, thời gian này ông H thường xuyên đau ốm nằm viện. Năm 2017, gia đình anh nâng cấp nhà nghỉ từ 02 tầng lên 04 tầng, đến tháng 8 năm 2017 thì hoàn thành công trình. Trong lúc nâng cấp nhà, anh và ông H cùng nhau lắp điện nước, làm mái tôn chống nóng, sơn nhà... Sau khi xây dựng xong nhà mẹ con anh phải làm để trả nợ, ông H thì thường xuyên đau ốm đi viện, chi phí chữa bệnh cho ông H mẹ con anh cũng phải lo. Nay ông H khởi kiện đòi chia tài sản chung là ngôi nhà nghỉ 4 tầng với số tiền 500.000.000đ anh không nhất trí. Anh xác định ngôi nhà này có nguồn gốc của mẹ con anh, tiền xây nhà là do anh đi xuất khẩu lao động gửi về cho bà A làm, ông H chỉ phụ giúp mẹ anh một số công việc nhưng do ông H tự nguyện, không làm hợp đồng lao động, mẹ anh không kết hôn với ông H. Ông H trong thời gian ở cùng mẹ anh thường xuyên ốm đau đi viện không thể đóng góp số tiền như vậy.

Vụ kiện trên đã được Toà án nhân dân huyện H thụ lý, hoà giải nhưng không thành, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 75/2021/DS - ST, ngày 30/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện H đã quyết định:

- Áp dụng các Điều 26, 35, 39, 147, 157, 165, 235, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 164, 205, 206 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Tuyên xử:* Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Đồng Văn H về việc Tranh chấp đòi lại công sức đóng góp, xây dựng nhà đối với bà Phạm Thị A.

- Buộc bà Phạm Thị A có nghĩa vụ thanh toán cho ông Đồng Văn H khoản công sức lao động trong thời gian cùng chung sống với số tiền là 116.240.000đ (*Một trăm mười sáu triệu hai trăm bốn mươi nghìn đồng*).

- Về chi phí tố tụng: Ông Đồng Văn H phải chịu 650.000đ (*Sáu trăm năm mươi nghìn đồng*), ghi nhận ông H đã thanh toán xong khoản tiền trên. Bà A phải thanh toán cho ông H số tiền là 650.000đ (*Sáu trăm năm mươi nghìn đồng*).

- Về án phí: Bà Phạm Thị A phải chịu 5.812.000đ (*Năm triệu tám trăm mười hai nghìn đồng*) án phí Dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Ông Đồng Văn H không phải chịu án phí được trả lại khoản tiền án phí đã nộp là 12.000.000đ (*Mười hai triệu đồng*) theo biên lai số 0002016, ngày 18/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H.

Ngoài ra bản án còn tuyên về quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 04/10/2021 bị đơn bà Phạm Thị A kháng cáo một phần bản án sơ thẩm. Bản án sơ thẩm quyết định bà phải trả số tiền công lao động cho ông H khi sống chung 57 tháng là 116.240.000 đồng là không thỏa đáng. Bà A xác nhận ông H có phụ giúp bà làm nhà trong hai đợt là 14 tháng (đợt 1 từ tháng 02-10/2014; đợt 2 từ tháng 02 – 8/2017). Sau mỗi đợt làm nhà ông H không sinh sống cùng bà

mà thường xuyên đi điều trị tại các bệnh viện như: Bệnh viện đa khoa huyện H, Bệnh viện Đa khoa tỉnh Tuyên Quang, Bệnh viện Đông y tỉnh Tuyên Quang, Bệnh viện đa khoa huyện Định Hóa, Bệnh viện Phổi Trung ương, Bệnh viện nhiệt đới Trung ương... trong thời gian đó bà là người cung cấp tiền ăn, tiền viện phí điều trị cho ông H. Năm 2015, ông H có thời gian đi làm việc cho nhà nghỉ Cây Duối của bà Lý Thị M tại xã P, huyện H. Ngoài ra sau thời điểm tháng 09/2017 ông H không sinh sống cùng bà tại địa phương mà tạm trú và sinh sống cùng bà Lê Thị N tại thôn Li, xã Ph, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Ngày 09/10/2021 nguyên đơn ông Đồng Văn H kháng cáo toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét cho ông được chia 1/3 giá trị số tài sản. Ngày 18/11/2021 ông H có đơn đề nghị Tòa án xác minh, bổ sung tài liệu là Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với ông H về việc vi phạm hành chính về xây dựng trái phép số 47/XPVP-HC ngày 23/5/2014 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn ông Đồng Văn H giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và trình bày: Ông có góp tiền với bà A để xây dựng lên 01 ngôi nhà 02 tầng để làm nhà nghỉ tại Thôn 4, xã T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang. Ông H xuất trình các giấy tờ, hóa đơn mua bán hàng hóa, vật liệu xây dựng để chứng minh ông có đóng góp xây dựng nhà với bà A. Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông.

Bị đơn bà Phạm Thị A giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và trình bày: Bà A xác nhận ông H có phụ giúp bà làm nhà trong hai đợt là 14 tháng (đợt 1 từ tháng 02-10/2014; đợt 2 từ tháng 02 – 8/2017). Sau mỗi đợt làm nhà ông H không sinh sống cùng bà mà thường xuyên đi điều trị tại các bệnh viện trong thời gian đó bà là người cung cấp tiền ăn, tiền viện phí điều trị cho ông H, vì tình nghĩa nên bà không yêu cầu ông H phải thanh toán lại số tiền đó cho bà. Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bà A trình bày:

- Về chia tài sản chung: Nguồn gốc quyền sử dụng đất thửa số 34 tờ bản đồ số 50 tại Thôn 4, xã T, huyện H theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BR 693500 do UBND huyện H cấp ngày 20/8/2014 mang tên bà Phạm Thị A do bà A mua đứng tên bà A bằng nguồn tiền do bà A tích lũy và đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan về. Việc ông Đồng Văn H khai nhận có đóng góp từ tài sản riêng mà có khi ly hôn với vợ cũ là bà X là không không có căn cứ vì khi ly hôn hai bên hai bên không có yêu cầu về giải quyết tài sản còn nhà và đất giao cho bà X quản lý và sử dụng. Ngoài ra, việc bà Nguyễn Thị T là mẹ ông H có khai nhận đưa cho bà A 100 triệu đồng còn ông H đưa 135 triệu đồng là không thống nhất và không có cơ sở. Đối với các bản kê mua hàng, vật liệu chỉ thể hiện là ông bà A - H mua còn không có thể hiện việc ông H bỏ tiền ra thanh toán. Do vậy, đề nghị HĐXX bác yêu cầu chia tài sản chung của ông H.

- Về yêu cầu trả công sức đóng góp xây dựng nhà: Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định thời gian ông H về sống cùng bà A từ tháng 02/2014 đến tháng 8/2018 (tổng cộng 57 tháng) làm căn cứ để tính công sức đóng góp xây dựng nhà là không phù hợp, thiếu căn cứ cần xem xét lại, bởi lẽ:

Thứ nhất: Thời gian bà A xây, sửa chữa nhà chia làm 02 lần: Lần 1 năm 2014 và lần 2 năm 2017, tổng cho hai lần sửa chữa, xây nhà này tính khoảng 14 tháng thì ông H chủ yếu thực hiện thi công lắp điện nước thì tính số ngày công cộng dồn cũng chỉ khoảng 2 tháng. Thời gian khác thì ông H phụ giúp bà A trông coi công trình, đi mua một số vật liệu...Như vậy nếu tính công sức đóng góp xây dựng nhà thì chỉ tính trong khoảng thời gian trên mới phù hợp chứ không thể lấy toàn bộ thời gian còn lại để tính làm công sức đóng góp để buộc bà A trả tiền công cho ông H.

Thứ 2: Trong khoảng thời gian ông H chung sống với bà A thì theo Biên bản xác minh trả lời xác minh của Công an xã T, huyện H gửi Công an xã Ph, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên thì từ tháng 3/2018 đến tháng 10/2018 (08 tháng) ông H có đến đăng ký tạm trú ở tại nhà của bà Lê Thị N, thôn L, xã Ph, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên thì không thể tính vào thời gian để trả công sức xây dựng nhà cho ông H.

Thứ ba: Trong khoảng thời gian từ năm 2015 đến năm 2018 ông H ngoài việc phụ giúp cho bà A sửa chữa nhà thì thường xuyên đau ốm và đi khám, điều trị nội trú các bệnh viện trong và ngoài tỉnh tổng thời gian điều trị là 180 ngày, đề nghị HĐXX trừ thời gian ông H đi nằm viện điều trị bệnh.

Từ các căn cứ nêu trên và các tài liệu, hồ sơ mới thu thập, bổ sung tại cấp phúc thẩm đề nghị HĐXX sửa bản án sơ thẩm về tính tiền công sức đóng góp xây dựng nhà và bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về chia tài sản chung.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm:

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng tại giai đoạn phúc thẩm: Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, trong quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử đã thực hiện đảm bảo các thủ tục về phiên tòa phúc thẩm, sự có mặt của các thành viên Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72, 73 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đơn kháng cáo của nguyên đơn ông Đồng Văn H và bị đơn bà Phạm Thị A là hợp lệ trong hạn luật định. Nội dung kháng cáo nằm trong nội dung bản án sơ thẩm.

- Về nội dung vụ án:

Tại phiên tòa ông H xuất trình thêm tài liệu về việc ông đi mua vật liệu xây dựng, mua thiết bị, lắp đặt, thiết kế điện nước, sơn nhà, làm mái tôn... nhưng không thể hiện người trực tiếp thanh toán tiền. Ông H đề nghị được chia 1/3 giá trị tài sản của nhà xây 04 tầng trị giá 500.000.000 đồng, nhưng ông không đưa ra

được các căn cứ để chứng minh, cấp sơ thẩm chỉ chấp nhận xem xét đến công sức lao động của ông H trong thời gian chung sống cùng bà A là có căn cứ.

Bà A xuất trình giấy xác nhận về thời gian ông H đi nằm viện điều trị bệnh tại các Bệnh viện như: Bệnh viện đa khoa huyện H, Bệnh viện Đa khoa tỉnh Tuyên Quang, Bệnh viện Đông y tỉnh Tuyên Quang, Bệnh viện đa khoa huyện Định Hóa, Bệnh viện Phổi Trung ương, Bệnh viện nhiệt đới Trung ương... và thời gian ông H tạm trú tại gia đình bà Lê Thị N xóm L, xã Ph, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Như vậy có căn cứ để xác định thời gian ông H đi điều trị tại bệnh viện cộng dồn trong khoảng thời gian từ năm 2015 đến tháng 02/2018 tổng cộng 130 ngày (04 tháng 10 ngày) và thời gian từ tháng 03/2018 đến tháng 10/2018 (08 tháng) ông H tạm trú tại gia đình bà Lê Thị N xóm L, xã Ph, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên để trừ đi thời gian ông H chung sống với bà A. Thời gian ông H chung sống với bà A được tính từ tháng 02/2014 đến tháng 02/2018 là 48 tháng và cần phải trừ đi thời gian ông H nằm viện để tính tiền công lao động cho ông H. Tổng số tiền công lao động của ông H từ tháng 02/2014 đến tháng 02/2018 là 159.540.000đ (*Một trăm năm mươi chín triệu năm trăm bốn mươi nghìn đồng*).

Số tiền chi phí ăn uống, phục vụ sinh hoạt hàng ngày của ông H được tham khảo trên cơ sở mức giá của địa phương ở từng thời điểm, năm 2014, 2015 là 50.000đ/ngày; năm 2016, 2017 là 60.000đ/ngày; năm 2018 là 70.000đ/ngày, được tính là 75.320.000đ (*Bảy mươi lăm triệu ba trăm hai mươi nghìn đồng*).

Như vậy số tiền ông H sẽ được thanh toán sau khi trừ đi chi phí sinh hoạt là: 159.540.000đ - 75.320.000đ = 84.220.000 (*Tám mươi tư triệu hai trăm hai mươi nghìn đồng*).

Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308; khoản 2 Điều 308; Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Đồng Văn H; chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Phạm Thị A sửa bản án dân sự sơ thẩm số 75/2020/DS - ST, ngày 30/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Tuyên Quang như sau:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Đồng Văn H về việc Tranh chấp đòi lại công sức đóng góp, xây dựng nhà đối với bà Phạm Thị A.

Buộc bà Phạm Thị A có nghĩa vụ thanh toán cho ông Đồng Văn H khoản công sức lao động trong thời gian cùng chung sống với số tiền 84.220.000 (*Tám mươi tư triệu hai trăm hai mươi nghìn đồng*).

Về chi phí thẩm định, định giá: Bà Phạm Thị A phải chịu toàn bộ chi phí thẩm định, định giá tài sản là 1.300.000 đồng. Do ông H đã nộp toàn bộ chi phí thẩm định, định giá nên bà Phạm Thị A phải thanh toán lại cho ông Đồng Văn H số tiền 1.300.000 đồng (*Một triệu ba trăm nghìn đồng*).

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phạm Thị A phải chịu phải chịu 4.211.000 đồng (*Bốn triệu hai trăm mười một nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Đồng Văn H phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự phúc thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp 300.000 đồng tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004557 ngày 27/10/2021 Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

Bà Phạm Thị A không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, trả lại bà Asố tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004549 ngày 25/10/2021 Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Tuyên Quang nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án .

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về trình tự, thủ tục kháng cáo của nguyên đơn ông Đồng Văn H và bị đơn bà Phạm Thị A:

Bị đơn bà Phạm Thị A và nguyên đơn ông Đồng Văn H nộp đơn kháng cáo bản án sơ thẩm số 75/2021/DS-ST ngày 30/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện H. Việc kháng cáo được thực hiện trong thời hạn luật định, nội dung kháng cáo và quyền kháng cáo phù hợp với quy định của pháp luật, nên các đơn kháng cáo nêu trên được chấp nhận là hợp lệ.

[2] Về nội dung vụ án:

Tại đơn khởi kiện ông Đồng Văn H khởi kiện đề nghị được chia tài sản 1/3 giá trị tài sản của 01 nhà xây 04 tầng xây dựng trên thửa đất số 34, tờ bản đồ số 50 tại Thôn 4, xã T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang là tài sản chung của ông và bà Phạm Thị A. Tại phiên tòa sơ thẩm ông H đề nghị Tòa án xem xét đến công sức đóng góp gồm tiền mặt, công lao động của ông trong việc tạo dựng ngôi nhà xây (là tài sản tranh chấp). Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật “*Tranh chấp đòi lại công sức đóng góp, xây dựng nhà*” là đúng quy định.

- Đối với yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Đồng Văn H:

Quá trình giải quyết vụ án ông H và bà A xác định cùng chung sống với nhau từ đầu năm 2014 đến giữa năm 2018. Ông H xác định đã góp tiền, công sức để xây và mua vật liệu, một số thiết bị của nhà nghỉ cùng với bà A. Trong đó có 130.000.000đ tiền ông kinh doanh nhà nghỉ cùng vợ cũ là bà Đỗ Thị X, 135.000.000đ do cụ Nguyễn Thị T (mẹ ông H) đưa cho bà A. Ông là người trực tiếp đi mua thiết bị, lắp đặt, thiết kế điện nước, sơn nhà, làm mái tôn... Ông H xuất trình các giấy tờ, hóa đơn mua bán hàng hóa, vật liệu xây dựng nhưng không thể hiện rõ ai là người trực tiếp thanh toán nên việc ông H khai dùng tiền của

mình mua vật liệu xây dựng và mẹ đẻ ông đưa tiền mặt cho bà A là không có cơ sở. Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của ông H đề nghị được chia 1/3 giá trị tài sản của nhà xây 04 tầng trị giá 500.000.000 đồng, chỉ chấp nhận xem xét đến công sức lao động của ông H trong thời gian chung sống là có căn cứ. Mặc dù, tại phiên tòa phúc thẩm ông H xuất trình thêm tài liệu mới nhưng HĐXX thấy không có căn cứ để chấp nhận. Ngày 18/11/2021 ông H có đơn đề nghị Tòa án xác minh, bổ sung tài liệu là Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với ông H về việc vi phạm hành chính về xây dựng trái phép số 47/XPVP-HC ngày 23/5/2014 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang. HĐXX thấy không cần thiết phải xác minh theo đơn đề nghị của ông H. Do đó, không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Đồng Văn H.

- Đối với yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Phạm Thị A:

Tại đơn kháng cáo bà A trình bày xác nhận ông H có phụ giúp bà làm nhà trong hai đợt là 14 tháng (đợt 1 từ tháng 02-10/2014; đợt 2 từ tháng 02 – 8/2017). Tuy nhiên không có căn cứ để Hội đồng xét xử công nhận ông H chung sống cùng bà A thời gian là 14 tháng như bà A đề nghị. Hội đồng xét xử xem xét tại cấp phúc thẩm bà A xuất trình giấy xác nhận của Bệnh viện đa khoa tỉnh Tuyên Quang, Bệnh viện Y dược cổ truyền tỉnh Tuyên Quang, giấy ra viện của Trung tâm y tế huyện H về thời gian ông H điều trị tại các Bệnh viện để trừ ngày công lao động (công sức đóng góp) của ông H trong thời gian sống chung cùng bà A, cụ thể như sau:

Năm 2015: Điều trị tại Khoa Nội tổng hợp Bệnh viện đa khoa tỉnh Tuyên Quang từ ngày 07/4/2015 đến ngày 13/4/2015 (07 ngày). Điều trị tại Khoa phục hồi chức năng Bệnh viện đa khoa tỉnh Tuyên Quang từ ngày 08/9/2015 đến ngày 22/9/2015 (15 ngày). Tổng năm 2015 điều trị 22 ngày.

Năm 2016: Điều trị tại Khoa phục hồi chức năng Bệnh viện đa khoa tỉnh Tuyên Quang từ ngày 28/3/2016 đến ngày 12/4/2016 (16 ngày). Tổng năm 2016 điều trị 16 ngày.

Năm 2017: Điều trị tại Khoa Truyền nhiễm Bệnh viện đa khoa tỉnh Tuyên Quang từ ngày 21/8/2017 đến ngày 13/9/2017 (24 ngày); từ ngày 05/10/2017 đến ngày 12/10/2017 (08 ngày); từ ngày 14/10/2017 đến ngày 23/10/2017 (10 ngày); từ ngày 05/12/2017 đến ngày 14/12/2017 (10 ngày).

Điều trị tại Trung tâm y tế huyện H từ ngày 09/8/2017 đến ngày 16/8/2017 (08 ngày).

Điều trị tại Bệnh viện Y dược cổ truyền tỉnh Tuyên Quang từ ngày 09/11/2017 đến ngày 23/11/2017 (15 ngày). Tổng năm 2017 điều trị 75 ngày.

Năm 2018: Điều trị tại Khoa Nội tổng hợp tỉnh Tuyên Quang từ ngày 05/02/2018 đến ngày 12/02/2018 (08 ngày); từ ngày 18/02/2018 đến ngày 26/02/2018 (09 ngày). Tổng năm 2018 điều trị 17 ngày.

Bà Phạm Thị A còn xuất trình 01 Phiếu xác minh thông tin cư trú của ông Đồng Văn H do Công an xã Ph, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên cung cấp như sau: Thời gian từ tháng 03/2018 đến tháng 7/2020 ông Đồng Văn H có đăng ký tạm trú tại gia đình bà Lê Thị N xóm L, xã Ph, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Vậy từ thời điểm tháng 03/2018 ông H đã không chung sống tại nhà bà A nữa.

Như vậy, có căn cứ để xác định thời gian ông H đi điều trị tại bệnh viện trong cộng đồn trong khoảng thời gian từ năm 2015 đến tháng 02/2018 tổng cộng 130 ngày (04 tháng 10 ngày) và thời gian từ tháng 03/2018 đến tháng 7/2018 ông H tạm trú tại gia đình bà Lê Thị N xóm Làng Mới, xã Ph, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên để trừ đi thời gian ông H chung sống với bà A. Như vậy, thời gian ông H chung sống với bà A được tính từ tháng 02/2014 đến tháng 02/2018 là 48 tháng và cần phải trừ đi thời gian ông H nằm viện để tính tiền công lao động cho ông H. Số tiền công của ông H được tính lại như sau:

Từ tháng 2/2014 đến tháng 12/2015 là 23 tháng chung sống cùng bà A, số ngày được tính công lao động trong 1 tháng là 22 ngày (trừ 08 ngày thứ 7, chủ nhật và 22 ngày ông H nằm viện điều trị) là  $150.000đ \times 22 \text{ ngày} = 3.300.000đ \times 23 \text{ tháng} = 75.900.000 - (150.000 \times 22 \text{ ngày nằm viện} = 3.300.000đ) = 72.600.000đ$ .

Từ tháng 01/2016 đến tháng 12/2017 là 24 tháng, số ngày được tính công lao động 22 ngày (trừ 08 ngày thứ 7, chủ nhật và 75 ngày nằm viện) là  $180.000đ \times 22 \text{ ngày} = 3.960.000đ \times 24 \text{ tháng} = 95.040.000đ - (180.000 \times 75 \text{ ngày} = 13.500.000đ) = 81.540.000 \text{ đồng}$ .

Từ tháng 01/2018 đến tháng 02/2018 là 02 tháng, số ngày được tính công lao động 22 ngày (trừ 08 ngày thứ 7, chủ nhật và 17 ngày điều trị) là  $200.000đ \times 22 \text{ ngày} = 4.400.000đ \times 02 \text{ tháng} = 8.800.000đ - (200.000đ \times 17 \text{ ngày} = 3.400.000đ) = 5.400.000đ$

Tổng số tiền từ tháng 02/2014 đến tháng 02/2018 là 159.540.000đ (*Một trăm năm mươi chín triệu năm trăm bốn mươi nghìn đồng*).

Số tiền chi phí ăn uống, phục vụ sinh hoạt hàng ngày của ông H được HĐXX tham khảo trên cơ sở mức giá của địa phương ở từng thời điểm như sau: Năm 2014, 2015 là 50.000đ/ngày; năm 2016, 2017 là 60.000đ/ngày; năm 2018 là 70.000đ/ngày. Số tiền ông H chi phí vào sinh hoạt hàng ngày là:

$50.000đ \times 30 \text{ ngày} = 1.500.000đ \times 23 \text{ tháng} = 34.500.000đ - (50.000đ \times 22 \text{ ngày} = 1.100.000đ) = 33.400.000 \text{ đồng}$ .

$60.000đ \times 30 \text{ ngày} = 1.800.000đ \times 24 \text{ tháng} = 43.200.000đ - (60.000đ \times 75 \text{ ngày} = 4.500.000đ) = 38.700.000đ$

$70.000đ \times 30 \text{ ngày} = 2.100.000đ \times 02 \text{ tháng} = 4.200.000đ - (70.000đ \times 17 \text{ ngày} = 980.000đ) = 3.220.000 \text{ đồng}$ .

Tổng cộng bằng: 75.320.000đ (*Bảy mươi lăm triệu ba trăm hai mươi nghìn đồng*).

Như vậy, số tiền ông H sẽ được thanh toán sau khi trừ đi chi phí sinh hoạt là: 159.540.000đ - 75.320.000đ = 84.220.000 (*Tám mươi tư triệu hai trăm hai mươi nghìn đồng*).

Ngoài ra bà Phạm Thị A còn xuất trình 01 giấy xác nhận của bà Lê Thu HA, trú tại nhà 37A VĐ, phường B, quận H, Hà Nội có cho ông H vay 4.000.000 đồng và 01 biên bản xác minh đối với bà Lý Thị M, địa chỉ: Thôn Th, xã P, huyện H bà M xác nhận thời gian ông H lắp điện nước cho nhà bà M cộng dồn trong năm 2015 khoảng hơn 01 tháng. Tuy nhiên tại phiên tòa ông H không công nhận các tài liệu, chứng cứ trên do đó HĐXX không có cơ sở để xem xét chấp nhận.

Từ những căn cứ trên không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Đồng Văn H. Có căn cứ để chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Phạm Thị A sửa bản án dân sự sơ thẩm số 75/2020/DS - ST, ngày 30/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Tuyên Quang theo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp đúng quy định của pháp luật.

[3] Về chi phí tố tụng: Tổng số tiền chi phí thẩm định, định giá là 1.300.000 đồng (*Một triệu ba trăm nghìn đồng*). Yêu cầu khởi kiện của ông Đồng Văn H là đề nghị được chia 1/3 giá trị tài sản của nhà xây 04 tầng trị giá 500.000.000 đồng tuy nhiên tại phiên tòa sơ thẩm ông H chỉ đề nghị xem xét công sức đóng góp xây dựng nhà của ông. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H về công sức đóng góp xây dựng nhà, do đó bà A phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ. Cấp sơ thẩm buộc ông H và bà A mỗi người chịu 1/2 chi phí thẩm, định giá là không đúng cần buộc bà Phạm Thị A phải chịu toàn bộ chi phí thẩm định, định giá tài sản là 1.300.000 đồng. Do ông H đã nộp toàn bộ chi phí thẩm định, định giá nên bà Phạm Thị A phải thanh toán lại cho ông Đồng Văn H số tiền 1.300.000 đồng.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phạm Thị A phải thanh toán cho ông H số tiền là 84.220.000 đồng (*Tám mươi tư triệu hai trăm hai mươi nghìn đồng*) nên án phí dân sự sơ thẩm được tính lại bà Phạm Thị A phải chịu 4.211.000 đồng đồng (*Bốn triệu hai trăm mười một nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Do cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo nên ông Đồng Văn H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật. Bà Phạm Thị A được chấp nhận yêu cầu kháng cáo nên không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, trả lại bà A số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

*Vì các lẽ trên;*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 308; Điều 148 và Điều 165 Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 164, Điều 205 và Điều 206 Bộ luật dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Đồng Văn H, chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Phạm Thị A sửa bản án sơ thẩm số 75/2020/DS - ST, ngày 30/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Tuyên Quang như sau:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Đồng Văn H về việc “Tranh chấp đòi lại công sức đóng góp, xây dựng nhà” đối với bà Phạm Thị A.

Buộc bà Phạm Thị A có nghĩa vụ thanh toán cho ông Đồng Văn H khoản công sức lao động trong thời gian cùng chung sống với số tiền 84.220.000 (*Tám mươi tư triệu hai trăm hai mươi nghìn đồng*).

2. Về chi phí thẩm định, định giá: Bà Phạm Thị A phải chịu toàn bộ chi phí thẩm định, định giá tài sản là 1.300.000 đồng. Do ông H đã nộp toàn bộ chi phí thẩm định, định giá nên bà Phạm Thị A phải thanh toán lại cho ông Đồng Văn H số tiền 1.300.000 đồng (*Một triệu ba trăm nghìn đồng*).

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phạm Thị A phải chịu phải chịu 4.211.000 đồng (*Bốn triệu hai trăm mười một nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Đồng Văn H phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự phúc thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp 300.000 đồng tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004557 ngày 27/10/2021 Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Tuyên Quang. Bà Phạm Thị A không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, trả lại bà Asố tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004549 ngày 25/10/2021 Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Tuyên Quang nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án .

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 29/12/2021).

*Khoản tiền phải thanh toán kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật và ông Đồng Văn H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà A chậm trả thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.*

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao Hà Nội;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- TAND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**  
**(đã ký)**

**Nguyễn Thanh Hương**



